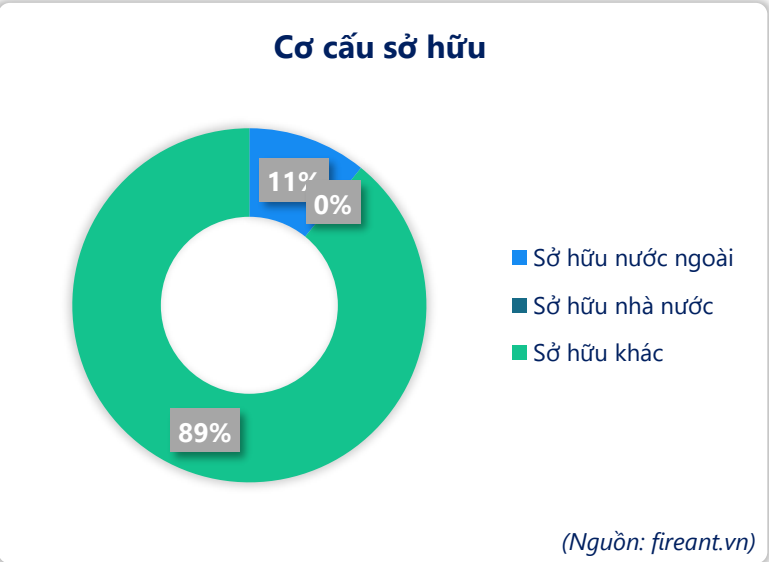
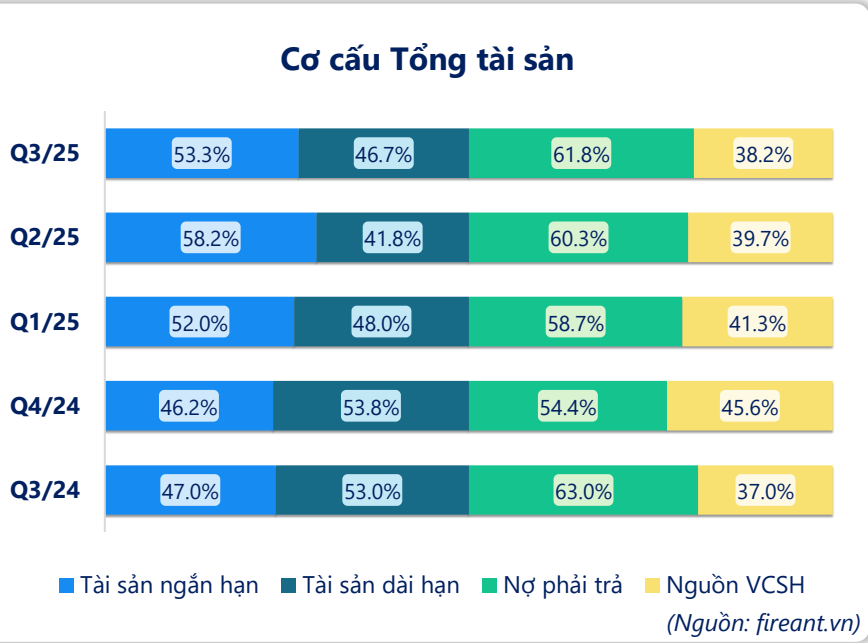
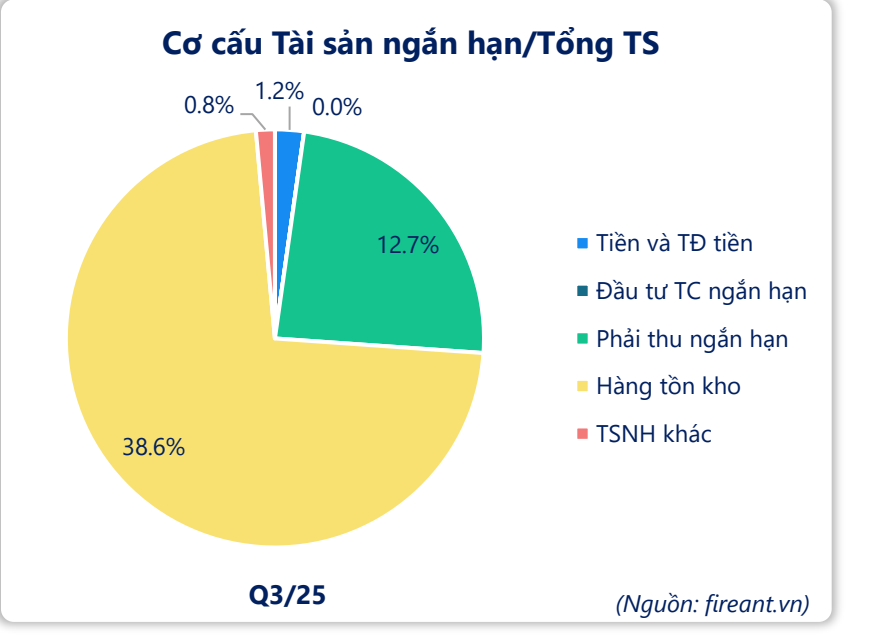
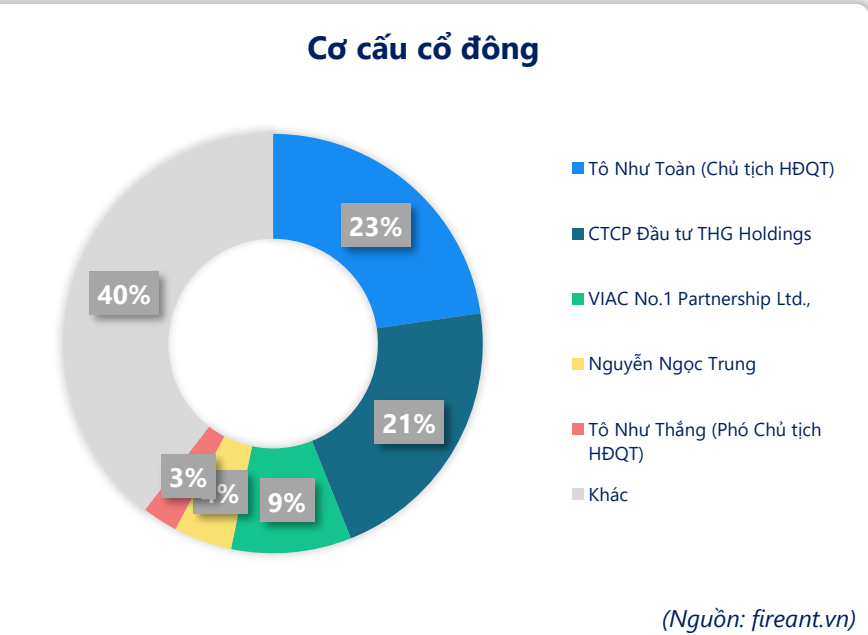
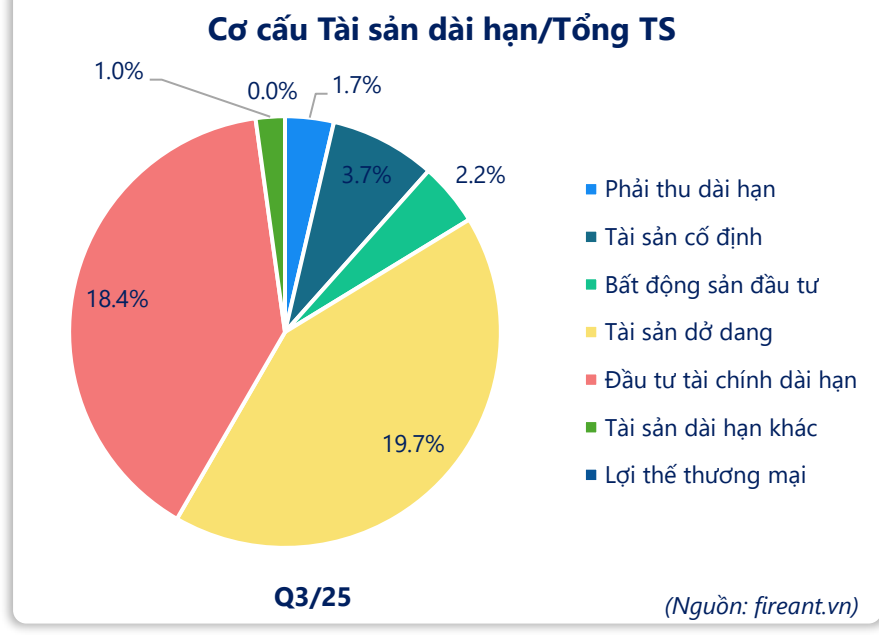
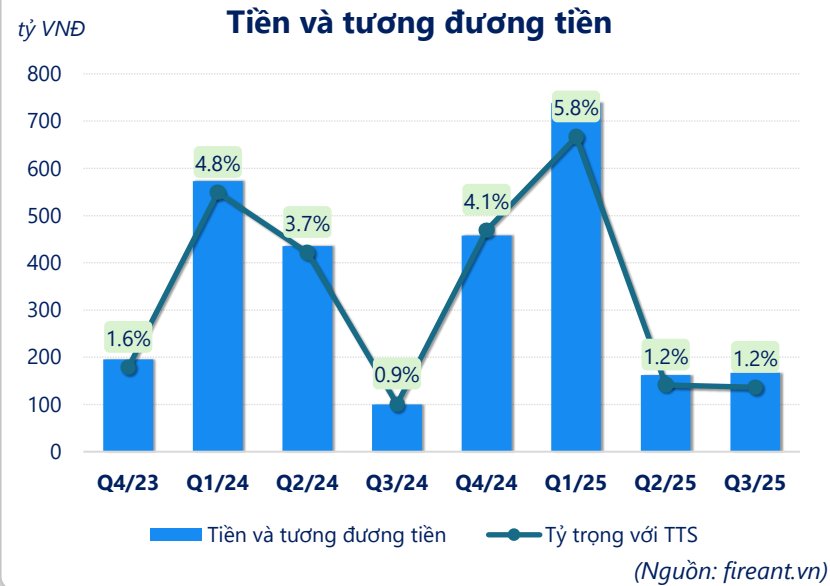
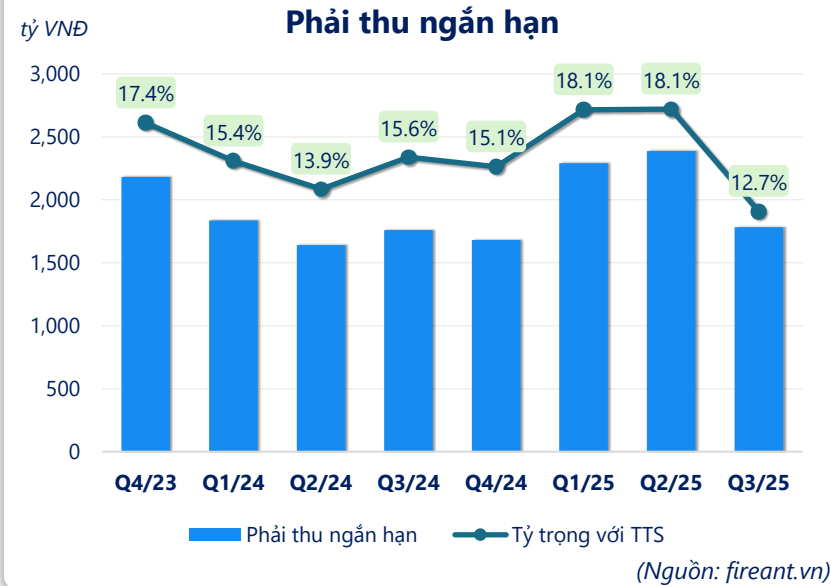
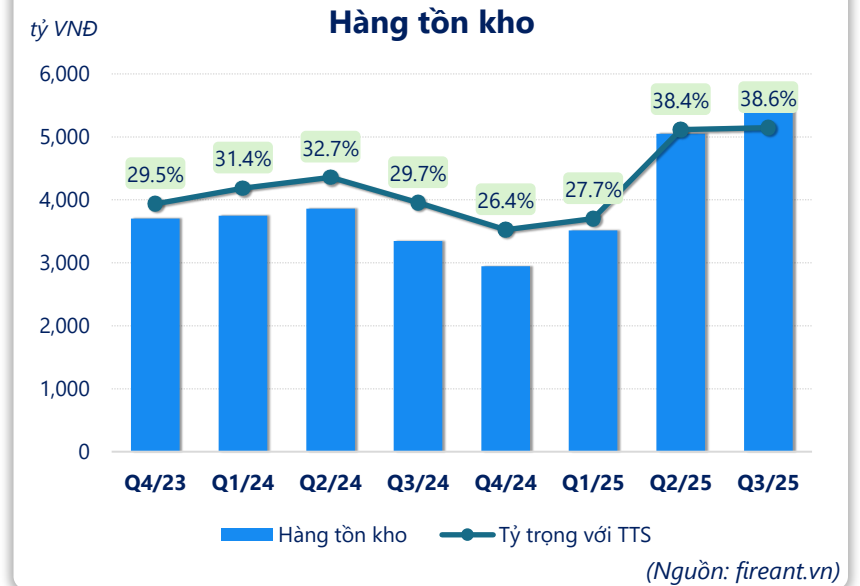
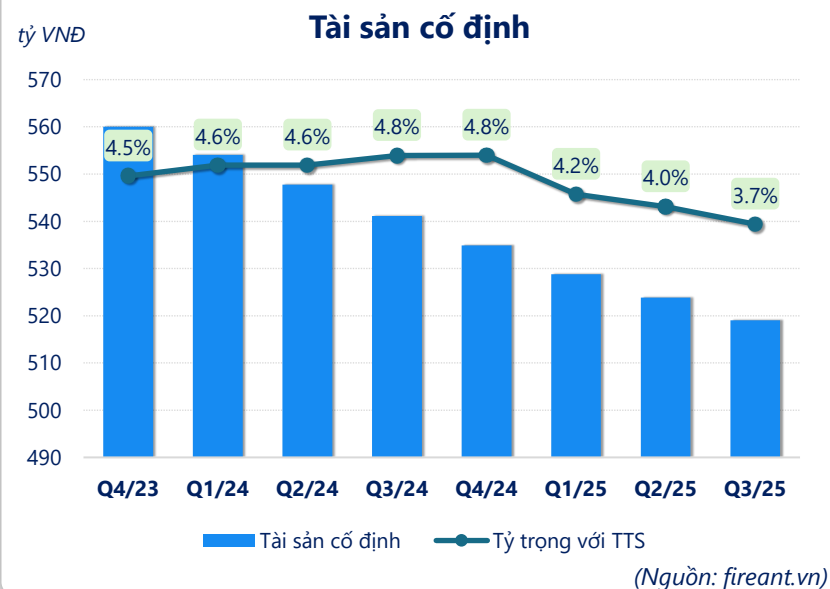
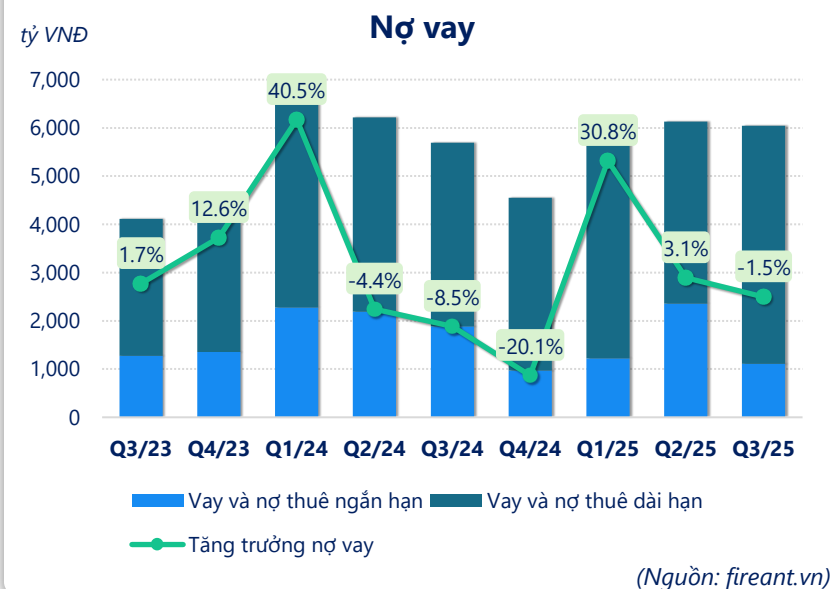
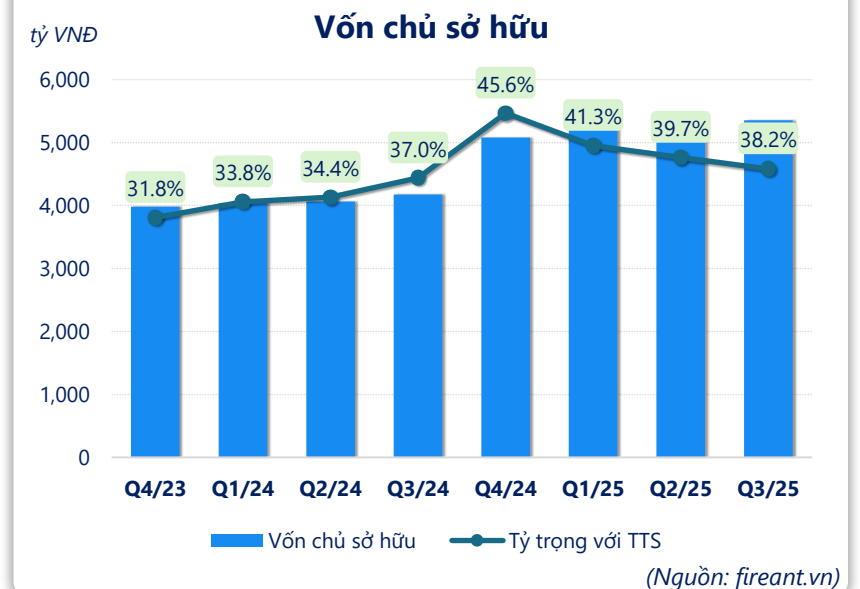
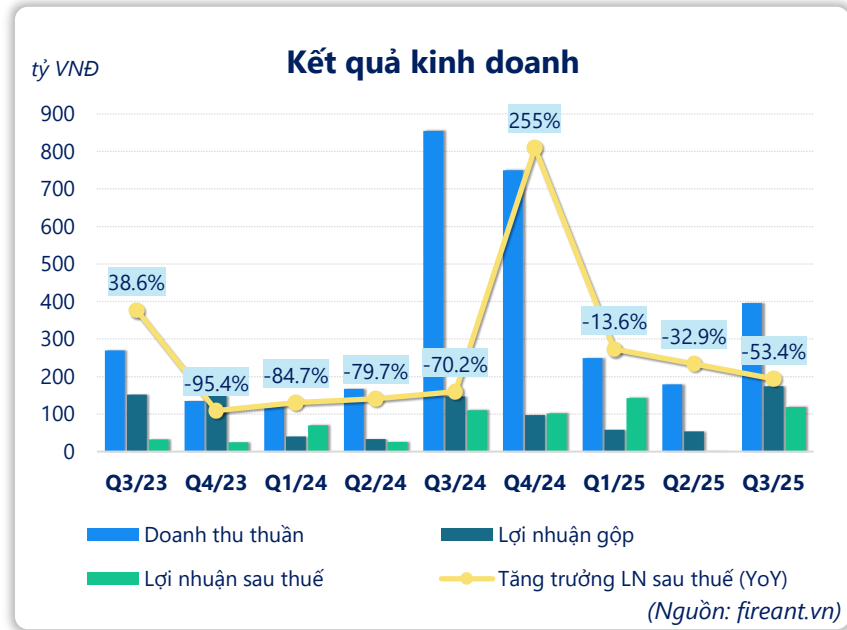
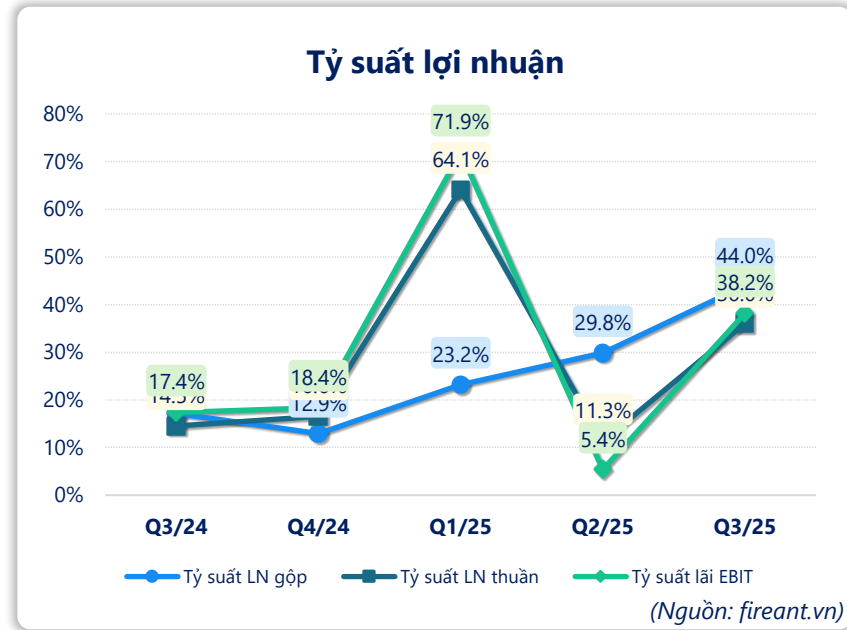
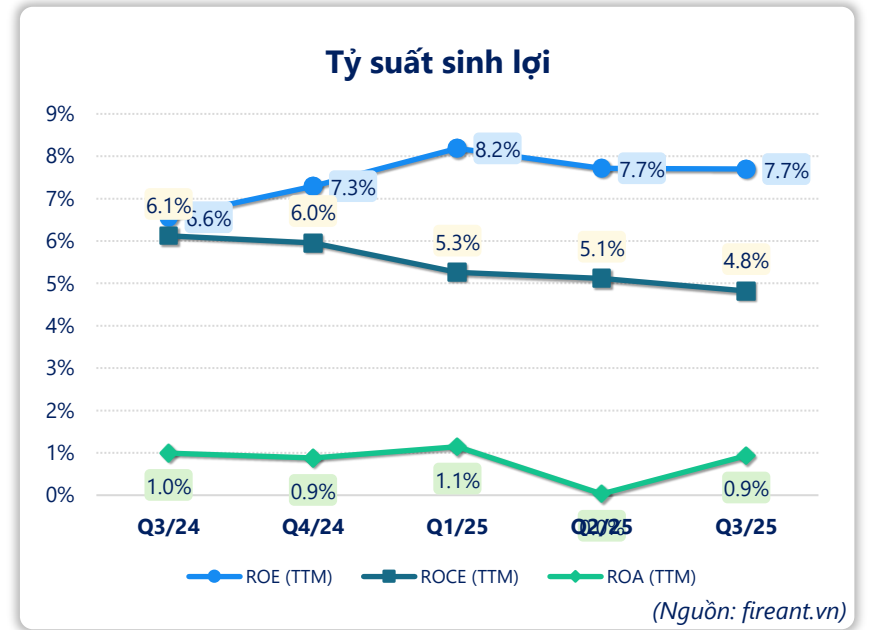
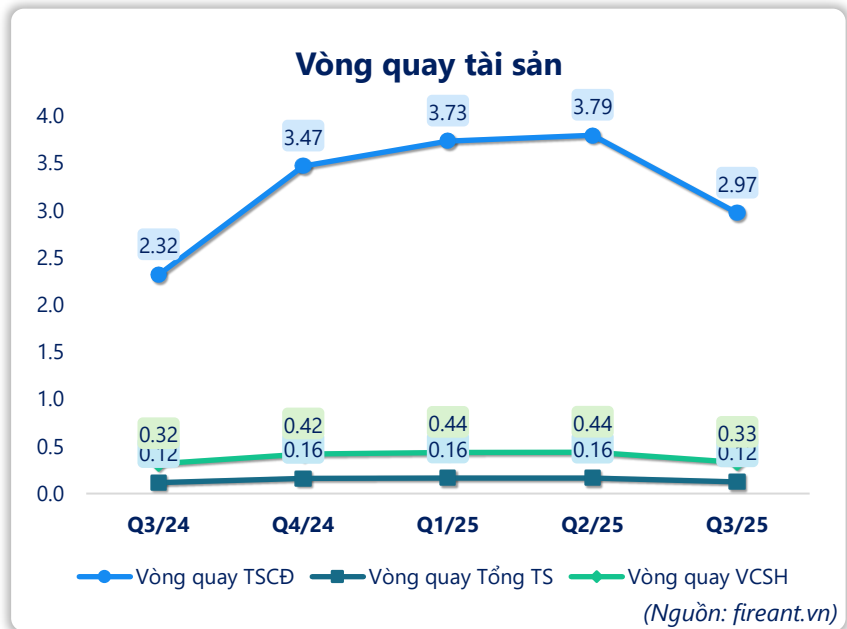
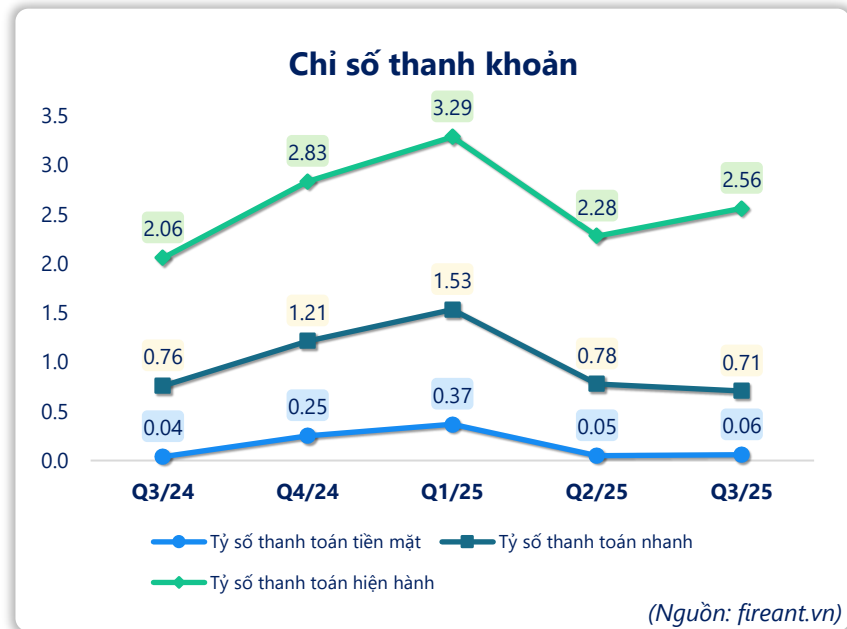
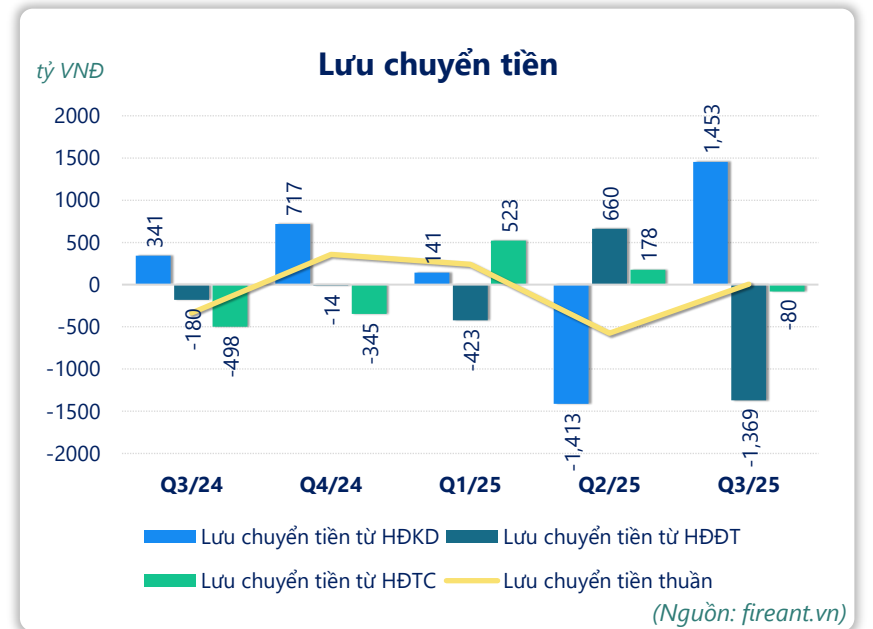


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		56,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		59,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		48,400
SL cổ phiếu LH		320,049,577
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,540,300
% sở hữu nước ngoài		10.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		18,051
P/E		49.2
EPS		1,145

	YTD	1T	3T	6T
VPI	-5.8%	-0.7%	9.3%	-3.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	14,012	11,139	25.8%
Tài sản ngắn hạn	7,466	5,259	42.0%
Tiền và tương đương tiền	167	498	-66.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	0.11	2.8%
Phải thu ngắn hạn	1,782	1,787	-0.3%
Hàng tồn kho	5,408	2,947	83.5%
Tài sản ngắn hạn khác	109	27.9	290%
Tài sản dài hạn	6,546	5,879	11.3%
Phải thu dài hạn	239	745	-67.9%
Tài sản cố định	519	535	-3.0%
Bất động sản đầu tư	307	316	-2.7%
Tài sản dở dang	2,754	2,538	8.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,584	1,592	62.3%
Tài sản dài hạn khác	143	153	-6.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8,660	6,064	42.8%
Nợ ngắn hạn	2,917	2,106	38.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,107	1,252	-11.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	102	83.2	22.4%
Nợ dài hạn	5,743	3,959	45.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,936	3,297	49.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,351	5,074	5.5%
Vốn chủ sở hữu	5,351	5,074	5.5%
Vốn điều lệ	3,200	3,200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	855	750	249	179	396
Giá vốn hàng bán	708	653	191	126	222
Lợi nhuận gộp	146	97.0	57.7	53.5	174
Doanh thu HĐTC	16.1	86.9	134	22.2	17.4
Chi phí TC	24.9	16.1	21.9	1.19	9.95
Chi phí lãi vay	24.8	14.3	20.1	-7.10	7.12
LN trong công ty LKLD	15.1	15.8	17.5	16.3	16.6
Chi phí bán hàng	4.13	0.60	0.94	10.3	3.03
Chi phí QLDN	24.8	58.6	26.9	60.2	52.6
LN thuần từ HĐKD	124	124	159	20.3	142
Lợi nhuận khác	-0.20	-0.70	-0.60	-3.57	1.41
LN trước thuế	124	124	159	16.8	144
Lợi nhuận sau thuế	110	101	142	1.70	119
LNST của CĐ cty mẹ	110	104	141	3.90	118

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	341	717	141	-1,413	1,453
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-180	-14.3	-423	660	-1,369
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-498	-345	523	178	-79.8
Tiền đầu kỳ	435	99.6	498	738	162
Lưu chuyển tiền thuần	-336	358	240	-576	4.79
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	99.6	457	738	162	167

(Nguồn: fireant.vn)